**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÁ THƯỚC**
**TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:162/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 /12/ 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Ông Trương Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên toà –*** Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45 ngày 07/12/2023 giữa:

*Nguyên đơn*: Chị Trương Thị T ; Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H , xã KT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn*: Anh Lục Văn N ; Sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H , xã KT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án chị Trương Thị T trình bày: Chị Trương Thị T và anh Lục Văn N tự do tìm hiểu khoảng một thời gian ngắn thì tự nguyện lấy nhau và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ Tân, huyện Bá Thước vào ngày 23/11/2007.

Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2018 do bất đồng quan điểm sống. Anh chị bất đồng quan điểm trong cách ứng xử, không tin tưởng nhau về kinh tế. Và từ năm 2019 anh chị ly thân đến nay. Sau khi ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh N và có nguyện vọng thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Lục Thị P L , sinh ngày 12/12/2007. Hiện nay cháu Phương L đang sinh sống cùng chị T . Khi chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản không có, nợ chung không có.

Chị Thắng thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí ly hôn sơ thẩm.

***Bị đơn***: Anh Lục Văn N đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến làm việc theo thông báo của Tòa án.

Biên bản xác minh tại UBND xã Kỳ Tân xác định cháu Lục Thị Phương L , sinh ngày 12/12/2007 và chị Trương Thị T đã về nhà ngoại sinh sống từ năm 2020. Hiện nay anh Lục Văn N đang cư trú sinh sống tại thôn H xã KT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Trương Thị T có đơn xin xử vắng mặt. Anh Lục Văn N đã được tống đạt hợp lệ không đến tham gia phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Lục Văn N . Giao cháu Lục Thị Phương L , sinh ngày 12/12/2007 cho chị Trương Thị T tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Lục Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản và nợ chung chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Anh N không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX không xem xét trong vụ án này. Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Phiên tòa vắng mặt anh Lục Văn N mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, chị Trương Thị T có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

**[2]** *Về nội dung*: Chị Trương Thị T g và anh Lục Văn N tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

**[3]** *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa chị Trương Thị T và anh Lục Văn N đã đến mức trầm trọng. Nay chị Thắng xét thấy không còn tình cảm vợ chồng và có nguyện vọng thiết tha ly hôn. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Lục Văn N .

**[4]** Về con chung: HĐXX căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Lục Thị Phương L , sinh ngày 12/12/2007 cho chị Trương Thị T g tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Lục Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* không xem xét.

**[5]**.*Về án phí*: Chị Trương Thị Thắng thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí cho chị Quyên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

**2**. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T . Xử cho chị Trương Thị T ly hôn anh Lục Văn N .

**3.** Giao cháu Lục Thị Phương L , sinh ngày 12/12/2007 cho chị Trương Thị T tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Lục Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lục Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**6**.*Về án phí:* Chị Trương Thị T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quyên**